TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HS-ST
Ngày: 18-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàng

Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tý, bà Nguyễn Thị Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐHST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2023 đối với:

Bị cáo: Trần Thị N; Sinh ngày: 01/01/1989; Nơi sinh: huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê (Công nhân); Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con của ông Trần Văn B, sinh năm 1967 và bà Trần Thị N1, sinh năm 1970; Chồng tên Lê Trung H, sinh năm 1989 (đã ly hôn năm 2016); Có 01 người con, sinh năm 2010; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị Tú H1, sinh năm: 2000. Nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Trần Văn T, sinh năm: 1997. Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người làm chứng:* Chị Phan Thanh N2, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 31/12/2022, Trần Thị N, điều khiển xe mô tô, hiệu Sirius màu trắng, biển số 83P3-785.50 một mình đi từ nhà ở ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An đến tiệm T1 của chị Phan Thanh N2 ở khu dân cư xã T thuộc ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An để mua đồ dùng cá nhân. Trong lúc đang mua đồ tại tiệm tạp hoá, N nhìn thấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax 128GB, màu đen, ốp lưng màu xanh blue của chị Nguyễn Thị Tú H1 bỏ quên trong thùng bánh để trước cửa tại tiệm tạp hóa, lúc này N nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại trên đem về để sử dụng. N đi lại nơi để điện thoại giả vờ chọn bánh và lén lút lấy trộm điện thoại bỏ vào túi quần bên phải của N. Sau khi trộm được điện thoại N đi vào trong quán tính tiền và đi ra điều khiển xe mô tô về nhà. Trên đường về, N sợ bị phát hiện nên đã lấy điện thoại vừa trộm được đem cất giấu cặp mé Kênh Bảy D thuộc ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An, cách nhà N khoảng 500 mét và đi về nhà. Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản chị Nguyễn Thị Tú H1 đã trình báo Công an xã T, huyện T. Qua điều tra Trần Thị N khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như trên.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 09/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện T. Kết luận: 01 điện thoại di dộng hiệu Iphone 12 PROMAX 128G, màu đen, lưng màu xanh, số máy MGCX3J/A, số sê ri: F2LDVOB4OD4H trị giá là 16.633.500 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 13/CT-VKSTT, ngày 27/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh truy tố bị cáo Trần Thị N về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo đồng thời phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Trần Thị N gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội "Trộm cắp tài sản". Về hình phạt chính: căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 50, 65 Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt: bị cáo Trần Thị N từ 06 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 02 năm.

Về vật chứng trong vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ vật chứng nên không đề cập yêu cầu xử lý.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự do bị hại đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không đề cập

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để đi làm nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị hại và người làm chứng vắng mặt đến lần thứ hai. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng.

[3] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa bị cáo Trần Thị N khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định được: Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 31/12/2022, tại tiệm T1, thuộc ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An, Trần Thị N lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di dộng hiệu Iphone 12 Promax 128GB, màu đen, ốp lưng màu xanh blue, số máy MGCX3J/A, số sê ri: F2LDVOB4OD4H của chị Nguyễn Thị Tú H1. Tài sản trộm cắp trị giá 16.633.500 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Tại thời điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo là người đã thành niên, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện do nảy sinh lòng tham khi nhìn thấy tài sản của bị hại. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An truy tố bị cáo với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm tài sản thuộc quyền quản lý, sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất an ninh trật tự địa phương. Do đó, hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" của bị cáo cần phải được xử phạt theo quy định của pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trên cơ sở xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4.1] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ Luật hình sự.

[4.2] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo và chồng đã ly hôn, con chung do bị cáo trực tiếp nuôi dưỡng; bị cáo có ông ngoại tên Trần Văn D1 tham gia cách mạng là thương binh hạng 3/4. Do đó, bị cáo được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

[4.3] Về nhân thân:

Bị cáo Trần Thị N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Xét thấy bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng, ổn định; có cơ sở xác định ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng có thể giúp cho bị cáo tự cải tạo trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Đồng thời, cũng tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục lao động tạo ra thu nhập, có điều kiện tiếp tục trực tiếp nuôi con do hoàn cảnh kinh tế gia đình của bị cáo khó khăn.

[6] Từ những phân tích trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng căn cứ pháp luật, về hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: theo quy định khoản 5 điều 173 BLHS, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không có tài sản riêng; bị cáo có nghề nghiệp làm thuê, thu nhập thấp, bị cáo còn đang nuôi con chưa thành niên ăn học (con sinh năm 2010) nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[8] Về vật chứng trong vụ án:

[8.1] Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Tú H1 là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 PROMAX 128G, màu đen, lưng màu xanh, số máy MGCX3J/A, số sê ri: F2LDVOB4OD4H là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Tú H1. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho bị hại là đúng quy định của pháp luật.

[8.2] Đối với 01 xe mô tô, biển số 83P3-7850.50, số máy E3X9E494842, số khung RLCE3240JY182787 là tài sản của anh Trần Văn T, sinh ngày 02/11/1997, nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An là em trai của bị cáo Trần Thị N, bị cáo mượn xe mô tô trên của anh T để đi đến tiệm tạp hóa của chị Phan Thanh N2 mua hàng hóa. Sau đó, bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản anh T không biết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Long An không thu giữ xe mô tô do bị cáo đã giao trả lại cho anh T là đúng quy định của pháp luật.

[8.3] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không thu giữ vật chứng nào khác nên không đề cập xử lý vật chứng.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Tú H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng hồ sơ vụ án đã có văn bản trình bày ý kiến của bị hại thể hiện bị hại đã nhận lại được tài sản mà bị cáo chiếm đoạt. Bị hại không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

[10] Về án phí: Bị cáo Trần Thị N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 50, 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: bị cáo Trần Thị N 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng.

3. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Thị N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-*TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND tỉnh Long An;*
- *Sở tư pháp tỉnh Long An*
- *VKSND huyện Tân Thạnh;*
- *Công an huyện Tân Thạnh;*
- *Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;*
- *Bị cáo; Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Ánh